TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04/12/2025
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Cẩm Hưng

2. Ông Lương Đình Hiển

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Minh Thiện - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 1 - Hưng Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Hưng Yên *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2025/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1988 *"Có mặt"*
Hộ khẩu thường trú: Thôn CH, xã TH, tỉnh Hưng Yên.
Địa chỉ: Thôn ĐK, xã YM, tỉnh Hưng Yên

Bị đơn: Anh Nguyễn Bá Th, sinh năm 1983 *"Có mặt"*
Hộ khẩu thường trú: Thôn CH, xã TH, tỉnh Hưng Yên.
Địa chỉ: Thôn Th, phường MH, tỉnh Hưng Yên.

Người làm chứng:

- Anh Bùi Văn Ch, sinh năm 1981 *"Có mặt"*
Địa chỉ: Thôn DL, xã TT, tỉnh Hưng Yên.

- Anh Bùi Đình B, sinh năm 1984 *"Có mặt"*
Địa chỉ: Thôn ĐL, xã TH, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Bá Th có đăng ký kết hôn tại UBND xã TD ngày 20/11/2015 trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chị H ở cùng bố mẹ anh Th được 01 tháng thì chuyển về ở cùng bố mẹ đẻ chị H do bố anh Th cấm không cho chị H về chơi với bố mẹ chị H vì nói đã đi lấy chồng không được về nhà đẻ. Trước khi kết hôn cả hai anh chị đều không làm công việc gì, kết hôn được 03 tháng thì anh chị xin làm ở Công ty TNHH INJAE VINA ở thị trấn PT, huyện KT, tỉnh Hải Dương, anh chị thuê phòng trọ gần Công ty ở. Anh chị làm được 03 năm 06 tháng thì nghỉ và xin làm tại Công ty MISTUBA ở PN, Hưng Yên làm và thuê phòng trọ ở. Do công việc ở công ty này khi làm phải đứng nhiều, chân chị H bị phù nên được 01 năm thì chị H nghỉ và xin làm ở Công ty HITACHI ở YM, Hưng Yên vì ở đây không phải đứng làm. Chị H nói với anh Th là vẫn về ở cùng anh Th nhưng anh Th bảo chị H xin ở Ký túc xá của Công ty, khi chị H mang thai anh Th bảo chị H cứ ở lại ký túc xá, thỉnh thoảng chị H qua phòng trọ với anh Th, còn anh Th không qua ký túc xá với chị H. Chị H ở ký túc xá của công ty từ năm 2021 cho đến nay.

Sau khi kết hôn một thời gian thì chị H mới biết anh Th đã kết hôn với người khác nhưng đã ly hôn, anh Th nói không có con chung với vợ trước còn cụ thể như thế nào chị H không biết. Anh chị chung sống đến năm 2018 nhưng chị H chưa mang thai lần nào, khi về giỗ tết thì chị H thường bị bố anh Th chửi mắng là không biết đẻ nên vợ chồng chị H đã đi khám ở Bệnh viện Bà mẹ trẻ em Trung ương, kết quả cơ thể chị H bình thường, còn anh Th tinh trùng bị loãng. Chị H cùng gia đình chị H nhiều lần động viên anh Th đi chữa nhưng anh Th không đồng ý. Đến năm 2023 anh Th mới đồng ý, anh chị đã đi chữa ở nhiều nơi, mất nhiều công sức và tiền nhưng không có kết quả. Khi khám bác sĩ kết luận tinh trùng của anh Th bị chết một nửa, nếu cấy tinh trùng của anh Th cho chị H thành công thì con đẻ ra sẽ không thông minh do gen của anh Th nên vợ chồng chị H không chữa hiếm muộn nữa. Chị H khao khát có một người con nên có ý định đi xin còn bằng biện pháp quan hệ với người đàn ông khác, chị H có nói chuyện với anh Th nhưng anh Th im lặng không nói gì nên chị H nghĩ anh Th đồng ý và chị đã mang thai. Trong thời gian chị H mang thai vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì, anh Th thỉnh thoảng vẫn đưa tiền và mua sữa cho chị H để bồi dưỡng. Khi đau bụng đẻ chị H gọi điện cho anh Th bảo chuyển tiền cho để chị H đi đẻ thì anh Th nói không có tiền. Do sinh non nên chị H phải ở bệnh viện 19 ngày mới được ra viện, trong thời gian chị H ở bệnh viện anh Th không đến bệnh viện thăm và chăm sóc chị H. Khi sinh cháu được ba ngày chị H có gọi điện cho anh Th nói cháu bé không phải con anh Th thì anh Th và gia đình có chấp nhận không nhưng anh Th không nói gì và cũng không trả lời tin nhắn của chị H. Sau đó anh Th có gọi điện cho chị dâu chị H nói chị H đi theo trai bỏ anh Th. Từ khi chị H sinh con cho đến nay anh Th không gặp, không liên lạc và không có trách nhiệm gì với chị H. Nay chị H không còn tình cảm với anh Th nữa, bản thân anh Th không chấp

nhận con chị H sinh ra nên có chung sống với nhau cũng không hạnh phúc. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh Th để ổn định cuộc sống và yên tâm nuôi dạy con.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với anh Th, chị H đã sinh một cháu trai là Bùi Minh Kh, sinh ngày 01/5/2025. Chị H xác định cháu Kh không phải con đẻ của anh Th nên chị H tự nuôi cháu và không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi cháu.

Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng cấy: Không có nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai và các văn bản bổ sung, bị đơn anh Nguyễn Bá Th trình bày:

Anh Th và chị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã TD vào ngày 20/11/2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng anh Th sống tại nhà bố mẹ đẻ anh Th khoảng 01 tháng thì về nhà bố mẹ chị H ở. Vợ chồng anh Th sống hạnh phúc khoảng 08 năm nhưng không có con, năm 2023 vợ chồng bàn bạc và đi chữa ở nhiều nơi nhưng không có kết quả. Chị H có nói với anh Th là cho chị H đi xin con, anh Th không trả lời nhưng chị H vẫn có thai nên vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Khi chị H đi đẻ anh Th không đến bệnh viện với chị H vì khi gọi điện chị H có nói với anh Th là có đến cũng không cho vào gặp và cháu bé không phải con anh Th. Từ khi chị H ra viện cho đến nay anh Th cũng không đến thăm hai mẹ con vì cháu bé không phải con anh Th. Trước kia khi hai vợ chồng làm công ty thì vợ chồng thuê phòng trọ ở cùng nhau, do chị H bị đau chân không đứng được lâu nên chị H xin làm ở công ty khác, chị H ở lại phòng trọ của công ty chị H làm thỉnh thoảng có về chỗ anh Th ở, không phải vợ chồng mâu thuẫn nên chị H mới bỏ ra ở riêng. Trong suốt thời kỳ chị H mang thai vợ chồng không xảy ra cãi nhau. Nay chị H xin ly hôn, anh Th không còn tình cảm với chị H nữa nhưng do chị H đã xúc phạm danh dự nhân phẩm của anh Th là tự ý đi xin con không được sự đồng ý của anh Th và đã vi phạm chế độ một vợ, một chồng trong thời kỳ hôn nhân nên anh Th không đồng ý lý hôn.

Về con chung: Anh Th và chị H không có con chung. Cháu Bùi Minh Kh, sinh ngày 01/5/2025 không phải con anh Th nên anh Th không có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Kh.

Về tài sản chung, công sức, công nợ, ruộng cấy: Không có nên không đề nghị Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên toà:

* Nguyên đơn chị Bùi Thị H giữ nguyên quan điểm như đã trình bầy trên.

* Bị đơn anh Nguyễn Bá Th giữ nguyên quan điểm như đã trình bầy trên. Anh Th xác định không còn tình cảm với chị H, vợ chồng có tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc nhưng anh Th không đồng ý ly hôn.

* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Hưng Yên.

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên đã chấp hành nghiêm chỉnh trình tự tố tụng từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến quá trình xét xử công khai tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án. Để giải quyết theo hướng:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiên của nguyên đơn:

+ Về quan hệ hôn nhân: Giải quyết cho chị Bùi Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Bá Th.

+ Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Bá Th là anh chị không có con chung. Cháu trai dự định đặt tên Bùi Minh Kh, sinh ngày 01/5/2025 là con riêng của chị H, anh Th không có trách nhiệm nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Kh.

+ Về tài sản chung, công sức, ruộng cấy, nợ chung: Không có, không giải quyết

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Bùi Thị H yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Bá Th, địa chỉ: Thôn CH, xã TH, tỉnh Hưng Yên. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hưng Yên.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân

Chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Bá Th kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TD, huyện TL, tỉnh Hưng Yên vào ngày 20/11/2015 theo Trích lục kết hôn số: 11/2025/TLKH-BS ngày 15/5/2025. Do vậy quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H: Theo chị H thì vợ chồng chị chung sống được 08 năm nhưng chưa có con, vợ chồng chị H đã đi khám ở Bệnh viện bà mẹ trẻ em Trung ương, kết quả cơ thể chị H bình thường, còn anh Th tinh trùng bị loãng. Năm 2023 vợ chồng chị H đã đi chữa ở nhiều nơi, mất nhiều công sức và tiền nhưng không có kết quả. Khi khám bác sĩ kết luận tinh trùng của anh Th bị chết một nửa, nếu cấy tinh trùng của anh Th cho chị H thành công thì con đẻ ra sẽ

không thông minh hoặc do gen của anh Th nên vợ chồng chị H không chữa hiếm muộn nữa. Chị H khao khát có một người con nên chị H có ý định đi xin còn bằng biện pháp quan hệ với người đàn ông khác, chị H có nói chuyện với anh Th thì anh Th im lặng, không nói gì nên chị H nghĩ anh Th đồng ý, chị H đã mang thai. Trong thời gian chị H mang thai vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì, anh Th thỉnh thoảng vẫn đưa tiền và mua sữa cho để chị H bồi dưỡng. Từ khi chị H sinh con cho đến nay anh Th không gặp, không liên lạc và không có trách nhiệm gì với chị H. Anh Th còn gọi điện cho chị dâu chị H nói chị H đi theo trai bỏ anh Th. Bản thân anh Th xác nhận vợ chồng anh Th sống hạnh phúc khoảng 08 năm nhưng không có con, năm 2023 vợ chồng bàn bạc và đi chữa ở nhiều nơi nhưng không có kết quả. Chị H có nói với anh Th là cho chị H đi xin con, anh Th không trả lời nhưng chị H vẫn có thai nên vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn.

Mâu thuẫn của vợ chồng chị H được anh Bùi Văn Ch - anh trai chị H cung cấp: Chị H và anh Th đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã TD. Anh chị kết hôn 10 năm nhưng không có con chung. Tháng 5/2025 chị H sinh cháu Bùi Minh Kh nhưng chị H nói cháu Kh không phải con của anh Th. Chị H, anh Th sống ly thân từ đó đến nay (BL số 20).

Anh Bùi Đình B - em rể anh Th cung cấp: Chị H và anh Th tự nguyện kết hôn năm 2015 tại UBND xã TD. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng anh Th, chị H thì anh B không nắm được, chỉ biết chị H đẻ con không phải của anh Th nên chị H đề nghị ly hôn. Chị H, anh Th sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay (BL số 27).

Từ những căn cứ trên xác định sau khi kết hôn vợ chồng chị H và anh Th chung sống với nhau nhưng không có con, chị H có nói với anh Th là cho chị H đi xin con, anh Th không trả lời nhưng chị H vẫn có thai nên vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2024, từ khi chị H sinh con cho đến nay anh Th không đến thăm và có trách nhiệm hai mẹ con chị H vì cháu bé không phải con anh Th. Chị H và anh Th đều xác định không còn tình cảm với nhau, vợ chồng tiếp tục chung sống cũng không có hạnh phúc. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị H, anh Th đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài được nữa. Do vậy việc chị H xin ly hôn anh Th là có căn cứ chấp nhận.

2.2. Về con chung: Trong thời gian chung sống với nhau, ngày 01/5/2025 chị H sinh một cháu trai, trong giấy chứng sinh dự định đặt tên là Bùi Minh Kh. Tại phiên hòa giải ngày 20/10/2025 và tại phiên tòa chị H và anh Th đã thỏa thuận anh chị không có con chung, cháu trai tên Kh là con riêng của chị H, anh Th không có trách nhiệm nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Kh. Xét việc thỏa thuận này là tự nguyện nên được ghi nhận.

2.3 Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị H, anh Th đều xác định không có và không đề nghị nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Nguyễn Bá Th.

[2] Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Bùi Thị H và anh Nguyễn Bá Th là anh chị không có con chung, cháu trai dự định đặt tên Bùi Minh Kh, sinh ngày 01/5/2025 là con riêng của chị H, anh Th không có trách nhiệm nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Kh.

[3] Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí*:* Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số 0001636 ngày 02/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Chị H đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lý

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS KV1-Hưng Yên;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Hưng Yên;
- Phòng THADS KV1 - Hưng Yên:
- UBND xã TH
(Đăng ký số 032 ngày 20/11/2015).
- Lưu hồ sơ vụ án.